TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ L** TỈNH AN GIANG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 46/2022/DS-ST
Ngày 05-5-2022
V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ L, TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Hồng Thi.

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Phan Hoàng Mai.

Bà Nguyễn Thị Tuyết Hồng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thu Thảo – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố L, tỉnh An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố L tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Tuyết Nhung – Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 5 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố L xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 236/2021/TLST-DS ngày 06 tháng 12 năm 2021 về việc "Tranh chấp hợp đồng tín dụng" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số: 54/2022/QĐXXST–DS ngày 02 tháng 3 năm 2022, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Ngân Hàng TMCP SG(Ngân hàng).

Địa chỉ: Số 266-268 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường 8, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện hợp pháp của nguyên đơn là ông Đèo Trung H – Chức vụ: Chuyên viên quản lý nợ Ngân Hàng TMCP SG– Chi nhánh Cần Thơ. Theo Giấy ủy quyền ngày 26/11/2020 (có đơn xin xét xử vắng mặt).

Địa chỉ liên hệ: 95 – 97 – 99 Võ Văn Tần, phường T, quận N, thành phố Cần Thơ.

- *Bị đơn*: Ông Lâm Văn Đ, sinh năm 1960 (vắng mặt).

Địa chỉ: Số 410/1A, tổ 22, ấp Tây Khánh B1 (nay là Tây Khánh 4), phường Mỹ Hòa, thành phố L, tỉnh An Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, các lần hòa giải và tại Tờ tự khai ngày 05/5/2022 ông Đèo Trung H đại diện của nguyên đơn Ngân hàng TMCP SGtrình bày:

Ngày 08/02/2018, ông Lâm Văn Đ có ký với Ngân hàng TMCP SG– Chi nhánh Cần Thơ (Phòng giao dịch Nam Sông Hậu) hợp đồng cấp thẻ tín dụng với hạn mức sử dụng là 30.000.000 đồng, mục đích tiêu dùng cá nhân. Sau khi được cấp thẻ tín dụng ông Đ đã thực hiện các giao dịch tổng số tiền là 183.000.000 đồng, ông Đ thanh toán cho Ngân hàng được 159.050.000 đồng. Qua nhiều lần nhắc nhở nhưng ông Đ vẫn không có thiện chí trả nợ nên đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán, ngày 28/02/2019 Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn.

Tính đến ngày 05/5/2022, ông Lâm Văn Đ còn nợ vốn gốc là 27.933.401 đồng, lãi quá hạn 43.242.304, tổng cộng vốn, lãi là 71.175.705 đồng.

Nay Ngân hàng TMCP SGyêu cầu Tòa án buộc ông Lâm Văn Đ pH trả toàn bộ số tiền vốn, lãi nêu trên và tiếp tục trả lãi phát sinh sau ngày 05/5/2022 cho đến khi trả dứt nợ vay theo mức lãi suất thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng.

Tại phiên tòa:

Đại diện nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt. Tại Tờ tự khai ngày 05/5/2022, đại diện nguyên đơn xác định tính đến ngày 05/5/2022, ông Lâm Văn Đ còn nợ vốn gốc là 27.933.401 đồng, lãi quá hạn 43.242.304 đồng, tổng cộng vốn, lãi là 71.175.705 đồng. Yêu cầu ông Đ trả toàn bộ số tiền này và yêu cầu ông Đ pH tiếp tục chịu lãi phát sinh sau ngày 05/5/2022 theo mức lãi suất thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng.

Bị đơn vắng mặt không lý do toàn bộ quá trình giải quyết vụ án, không gửi văn bản trình bày ý kiến.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến:

Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký đã thực hiện đúng, đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo luật định. Nguyên đơn chấp hành đúng quy định pháp luật tại Điều 70 và 71 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Đối với bị đơn Tòa án đã triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt không lý do nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn là phù hợp với khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Về nội dung vụ án:

Ông Đ đã ký kết với Ngân hàng TMCP SGhợp đồng cấp thẻ tín dụng với hạn mức sử dụng là 30.000.000 đồng, mục đích tiêu dùng cá nhân, theo Bảng tóm tắt sao kê của Ngân hàng ngày 05/5/2022 thì tính đến ngày 05/5/2022 ông Đ còn nợ Ngân hàng vốn gốc 27.933.401 đồng, lãi quá hạn 43.242.304 đồng, tổng cộng vốn, lãi là 71.175.705 đồng. Bị đơn vắng mặt toàn bộ quá trình giải quyết vụ án.

Xét, Hợp đồng cấp thẻ tín dụng được ký kết giữa các bên là trên cơ sở tự do, tự nguyện thỏa thuận, không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội, làm phát sinh quyền và nghĩa vụ dân sự. Ông Đ vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo thỏa thuận nên Ngân hàng yêu cầu trả toàn bộ vốn, lãi và yêu cầu tiếp tục tính lãi phát sinh theo lãi suất thỏa thuận trong hợp đồng là có căn cứ, phù hợp quy định pháp luật. Tuy nhiên, căn cứ bảng tóm tắt sao kê của Ngân hàng có nhiều khoản như phí trễ hạn, lãi, phí vượt hạn mức tại dòng thứ 11, 12, 13 đã được nhập vào vốn để tính lãi theo mức lãi suất quá hạn của hợp đồng cấp thẻ tín dụng là không phù hợp quy định làm ảnh hưởng quyền và lợi ích hợp pháp của bên vay nợ, nên đề nghị Hội đồng xét xử điều chỉnh phần vốn gốc và áp dụng lãi suất cho phù hợp quy định pháp luật.

Đề nghị Hội đồng xét xử: Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín. Buộc ông Đ pH thực hiện nghĩa vụ trả cho Ngân hàng số tiền vốn gốc, lãi và tiếp tục trả tiền lãi phát sinh trên số nợ gốc chưa thanh toán theo mức lãi suất đã thỏa thuận tại hợp đồng các bên đã ký cho đến khi thanh toán hết khoản nợ.

Về án phí: Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giải quyết theo quy định.

Tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án: Bản photo hợp đồng lao động số 050.2016/HĐLĐ-LB ngày 22/12/2016 giữa Công ty TNHH Đầu tư Labelle với ông Lâm Văn Đ; Bản photo thẻ tín dụng Sacombank của ông Lâm Văn Đ; Bản photo Hợp đồng thẻ tín dụng của ông Lâm Văn Đ ngày 08/02/2018; Bản photo Tờ trình cấp thẻ tín dụng tín chấp ngày 29/01/2018; Bản photo Tờ trình về việc đề xuất khởi kiện đối với khách hàng Lâm Văn Đ ngày 17/8/2019; Bản photo Tóm tắt sao kê ngày 14/8/2019 của Ngân hàng; Bản photo sao kê Tài khoản của ông Lâm Văn Đ từ ngày 01/11/2017 đến ngày 06/01/2018; Bản photo Sổ hộ khẩu của ông Lâm Văn Đ; Bản photo Sổ tạm trú Dương Thị Phương Uyên; Thủ tục ủy quyền của Ngân hàng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa và các quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Căn cứ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án thể hiện quan hệ pháp luật tranh chấp giữa các đương sự là về hợp đồng dân sự – hợp đồng tín dụng; bị đơn có địa chỉ thường trú tại địa bàn thành phố L, nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố L tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[1.2] Nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt. Bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần và tống đạt thông báo thụ lý, quyết định đưa vụ án ra xét xử và các văn bản tố tụng khác đúng quy định nhưng bị đơn vắng mặt không

lý do không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án là phù hợp quy định tại khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về nội dung vụ án: Ngày 02/8/2018 ông Đ có ký với Ngân hàng TMCP SGhợp đồng cấp thẻ tín dụng với hạn mức sử dụng là 30.000.000 đồng, mục đích tiêu dùng cá nhân. Từ khi vay đến nay ông Đ thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ theo thỏa thuận trong hợp đồng, theo bảng tóm tắt sao kê của Ngân hàng thì tính đến ngày 05/5/2022 ông Đ còn nợ Ngân hàng vốn gốc 27.933.401 đồng, lãi quá hạn 43.242.304, tổng cộng vốn, lãi là 71.175.705 đồng, nên Ngân hàng đã chuyển nợ quá hạn vào ngày 28/02/2019. Nay Ngân hàng yêu cầu ông Đ pH trả toàn bộ số tiền vốn, lãi và tiếp tục trả lãi phát sinh theo mức lãi suất thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng đã ký kết sau ngày 05/5/2022 cho đến khi trả dứt nợ.

[2.1] Xét hợp đồng tín dụng (cấp thẻ tín dụng) được ký kết giữa ông Đ với Ngân hàng Thương mại cổ phần SG– chi nhánh Cần Thơ ngày 02/8/2018, Hội đồng xét xử nhận định:

Tòa án đã tống đạt thông báo thụ lý có ghi rõ nội dung yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, các chứng cứ kèm theo trong đó có hợp đồng tín dụng cho bị đơn, nhưng bị đơn không có ý kiến phản bác hay phản tố lại đối với yêu cầu khởi kiện và chứng cứ của nguyên đơn cung cấp là thuộc trường hợp những tình tiết, sự kiện không phải chứng minh. Căn cứ tại khoản 2 Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015 quy định: "Một bên đương sự thừa nhận hoặc không phản đối những tình tiết, sự kiện, tài liệu, văn bản, kết luận của cơ quan chuyên môn mà bên đương sự kia đưa ra thì bên đương sự đó không phải chứng minh". Do đó, Tòa án chấp nhận chứng cứ mà nguyên đơn cung cấp là chứng cứ để xem xét, giải quyết vụ án.

Hợp đồng cấp thẻ tín dụng mà các bên ký kết trên cơ sở tự do, tự nguyện thỏa thuận, nội dung, hình thức không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội, phù hợp với quy định pháp luật tại Điều 116, Điều 117, Điều 118, Điều 119, Điều 398 của Bộ luật Dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 91, Điều 94 của Luật các Tổ chức tín dụng năm 2010 được sửa đổi, bổ sung năm 2017. Đồng thời, quá trình thực hiện hợp đồng bên vay sử dụng vốn vay đúng mục đích, bên cho vay có kiểm tra, giám sát việc sử dụng vốn vay, nên được pháp luật công nhận, làm phát sinh quyền và nghĩa vụ dân sự giữa các bên.

Do vi phạm nghĩa vụ trả vốn, lãi theo hợp đồng cấp thẻ tín dụng đã ký kết làm phát sinh nợ quá hạn nên Ngân hàng yêu cầu thanh toán vốn, lãi và tiếp tục tính lãi phát sinh cho đến khi trả xong toàn bộ vốn, lãi là có căn cứ phù hợp với quy định tại 280 của Bộ luật Dân sự năm 2015, Điều 95 của Luật các Tổ chức tín dụng năm 2010 được sửa đổi, bổ sung năm 2017, nên Hội đồng xét xử chấp nhận. Tuy nhiên, căn cứ bảng tóm tắt sao kê của Ngân hàng, Hội đồng xét xử xét thấy có nhiều khoản như phí trễ hạn, lãi, phí vượt hạn mức tại dòng thứ 11, 12, 13 đã được nhập vào vốn để tính lãi theo mức lãi suất quá hạn của hợp đồng

tín dụng là không phù hợp quy định làm ảnh hưởng quyền và lợi ích hợp pháp của bên vay nợ. Do đó, đại diện Viện kiểm sát đề nghị điều chỉnh vốn, lãi suất là có căn cứ, phù hợp quy định pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận theo đề nghị của Viện kiểm sát.

Bị đơn Lâm Văn Đ vi phạm nghĩa vụ trả nợ, Ngân hàng đã chuyển nợ quá hạn và Ngân hàng tính vốn theo mức lãi suất nợ quá hạn là phù hợp quy định nên Hội đồng xét xử chấp nhận. Tuy nhiên, phương pháp tính lãi của Ngân hàng là đã nhập tiền lãi nợ kỳ trước, các khoản phí vào vốn gốc rồi mới trừ khoản tiền người vay đã thanh toán làm cho số tiền vốn gốc có sai lệch, nên cần pH điều chỉnh theo hướng tách vốn ra riêng, trừ số tiền mà bị đơn đã thanh toán, còn lại là số tiền vốn gốc pH trả; tách phần lãi và các khoản phí riêng biệt. Sau đó, áp dụng lãi suất cho từng khoản riêng biệt.

Theo Điều 23 của bảng điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng TMCP SG(bút lục 20) quy định: "Áp dụng lãi suất nợ quá hạn là 150% lãi suất công bố áp dụng tại thời điểm hiện tại phù hợp với Điều 22 đối với toàn bộ dư nợ theo quy định của đơn vị phát hành thẻ". Điều này được hiểu là tất cả các khoản phí trễ hạn, lãi, phí vượt hạn mức Ngân hàng sẽ nhập vào vốn để xác định dư nợ cuối cùng và tính lãi suất 150% lãi suất công bố áp dụng tại thời điểm. Mặc dù, pháp luật quy định cho các bên tham gia giao dịch tín dụng được tự do thỏa thuận về lãi, lãi suất, các khoản phí và kể cả tiền lãi của việc chậm trả lãi. Tuy nhiên, tại điểm b khoản 2 Điều 8 của Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP, ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm quy định: "Trường hợp khách hàng không trả đúng hạn tiền lãi trên nợ gốc theo thỏa thuận tại hợp đồng tín dụng, thì pH trả lãi chậm trả theo mức lãi suất do tổ chức tín dụng và khách hàng thỏa thuận nhưng không vượt quá mức lãi suất giới hạn mà pháp luật quy định tương ứng với thời gian chậm trả lãi trên nợ gốc trong hạn". Mức lãi suất giới hạn mà pháp luật quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015 là 20%/năm. Do đó, Ngân hàng áp dụng lãi suất quá hạn 2,15%/tháng x 150% = 3,225%/tháng (bằng 38,7%/năm) là vượt quá quy định nên cần điều chỉnh phần tiền lãi cho phù hợp.

Số tiền vốn, lãi được tính cụ thể như sau:

(1) Số tiền vốn được xác định sau khi ông Đ thanh toán được 2.750.000 đồng ngày 30/11/2018 thì không thanh toán nữa nên đến thời điểm này ông Đ còn nợ vốn gốc 29.438.714 đồng. Đây là số tiền vốn gốc được tính lãi.

Sau đó, ông Đ đã trả nhiều đợt đến ngày 31/5/2022 được 4.500.000 đồng:

29.438.714 đồng – 4.500.000 đồng = 24.938.000 đồng.

(2) Số tiền lãi trong hạn từ ngày 31/12/2018 đến ngày 31/3/2019 là 90 ngày:

29.438.714 đồng x 2.15%/tháng x 90 ngày = 1.898.797 đồng

(3) Xác định số tiền phí trễ hạn, phí vượt hạn mức:

190.626 đồng + 297.667 đồng + 448.961 đồng + 50.000 đồng + 50.000 đồng = 1.037.254 đồng.

(4) Tiền lãi quá hạn:

4.1. Xác định vốn đến thời điểm ngày 31/3/2019 trả vốn được 1.500.000 đồng: 29.438.714 đồng – 1.500.000 đồng = 27.938.714 đồng. Lãi quá hạn từ ngày 01/4/2019 đến ngày 31/10/2020 là 581 ngày:

27.938.714 đồng x 2.15%/tháng x 150% x 581 ngày = 17.449.822 đồng.

4.2. Xác định vốn đến thời điểm ngày 31/10/2020 trả vốn được 500.000 đồng: 27.938.714 đồng – 500.000 đồng = 27.438.714 đồng. Lãi quá hạn từ ngày 01/11/2020 đến ngày 30/11/2020 là 30 ngày:

27.438.714 đồng x 2.15%/tháng x 150% x 30 ngày = 884.898 đồng.

4.3. Xác định vốn đến thời điểm ngày 30/11/2020 trả vốn được 500.000 đồng: 27.438.714 đồng – 500.000 đồng = 26.938.714 đồng. Lãi quá hạn từ ngày 01/12/2020 đến ngày 31/12/2020 là 31 ngày:

26.938.714 đồng x 2.15%/tháng x 150% x 31 ngày = 897.732 đồng.

4.4. Xác định vốn đến thời điểm ngày 31/12/2020 trả vốn được 500.000 đồng: 26.938.714 đồng – 500.000 đồng = 26.438.714 đồng. Lãi quá hạn từ ngày 01/01/2021 đến ngày 30/4/2021 là 120 ngày:

26.438.714 đồng x 2.15%/tháng x 150% x 120 ngày = 3.410.594 đồng.

4.5. Xác định vốn đến thời điểm ngày 30/4/2021 trả vốn được 1.000.000 đồng: 26.438.714 đồng – 1.000.000 đồng = 25.438.714 đồng. Lãi quá hạn từ ngày 01/5/2021 đến ngày 31/5/2021 là 31 ngày:

25.438.714 đồng x 2.15%/tháng x 150% x 31 ngày = 847.745 đồng.

4.6. Xác định vốn đến thời điểm ngày 31/5/2021 trả vốn được 500.000 đồng: 25.438.714 đồng – 500.000 đồng = 24.938.714 đồng. Lãi quá hạn từ ngày 01/6/2021 đến ngày 5/5/2022 là 339 ngày:

24.938.714 đồng x 2.15%/tháng x 150% x 339 ngày = 9.088.290 đồng.

Tổng tiền lãi quá hạn: 17.449.822 đồng + 884.898 đồng + 897.732 đồng + 3.410.594 đồng + 847.745 đồng + 9.088.290 đồng = 32.579.084 đồng.

(5) Tiền lãi trong hạn chưa trả Ngân hàng được tính lãi theo mức lãi suất 20%/năm, áp dụng từ ngày 31/3/2019 đến ngày 05/5/2022 là 1.130 ngày:

1.898.797 đồng x 20%/năm x 1.130 ngày = 1.192.023 đồng.

(6) Tiền lãi đối với phí trễ hạn, phí vượt hạn mức chưa trả từ ngày 01/3/2019 đến ngày 05/5/2022 là 1.161 ngày:

1.037.254 đồng x 20%/năm x 1.161 ngày = 669.028 đồng.

Tổng cộng các khoản:

(1) + (2) + (3) + (4) + (5) + (6) = 24.938.714 đồng + 1.898.797 đồng + 1.037.254 đồng + 32.579.084 đồng + 1.192.023 đồng + 669.028 đồng = 62.314.900 đồng.

Vậy ông Lâm Văn Đ pH có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng TMCP SGsố tiền vốn, lãi và các khoản phí tổng cộng là 62.314.900 đồng.

Ngoài ra, ông Lâm Văn Đ còn pH tiếp tục trả lãi trên số tiền vốn là 24.938.714 đồng theo mức lãi suất thỏa thuận trong hợp đồng cấp tín dụng mà các bên đã ký kết kể từ ngày 06/5/2022 cho đến khi trả xong các khoản nợ.

Đồng thời, ông Đ còn pH chịu lãi trên số tiền lãi trong hạn, phí trễ hạn, phí vượt hạn mức chưa trả (1.898.797 + 1.037.254) là 2.936.051 đồng theo mức lãi suất 20%/năm kể từ ngày 06/5/2022 cho đến khi trả xong các khoản nợ.

[3] Về án phí:

Do vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên ông Đ pH chịu án phí dân sự sơ thẩm trên số tiền bị buộc thanh toán (62.314.900 đồng) là 3.115.700 đồng.

Với yêu cầu được chấp nhận một phần Ngân hàng TMCP SGpH chịu án phí dân sự sơ thẩm trên số tiền không được chấp nhận (71.175.705 đồng - 62.314.900 đồng = 8.860.805 đồng) là 434.000 đồng, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 935.000 đồng theo Biên lai thu số 0000736 ngày 06/12/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố L. Ngân hàng TMCP SGđược nhận lại 501.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 116, Điều 117, Điều 118, Điều 119, Điều 280, Điều 398 của Bộ luật Dân sự 2015;

Căn cứ Điều 91, Điều 94, Điều 95 của Luật các Tổ chức tín dụng năm 2010, sửa đổi, bổ sung năm 2017;

Căn cứ khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng Thương mại cổ phần SG đối với ông Lâm Văn Đ.

- Buộc ông Lâm Văn Đ có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng Thương mại cổ phần SGsố tiền vốn, lãi tính đến ngày 05/5/2022 là 62.314.900 đồng (Sáu mươi hai triệu, ba trăm mười bốn nghìn, chín trăm đồng).

- Ông Lâm Văn Đ còn phải tiếp tục chịu lãi phát sinh trên số tiền gốc 24.938.714 đồng theo mức lãi suất thỏa thuận trong hợp đồng cấp thẻ tín dụng mà các bên đã ký kết kể từ ngày 06/5/2022 cho đến khi trả xong toàn bộ vốn, lãi.

- Ông Lâm Văn Đ còn pH chịu lãi trên số tiền lãi trong hạn, phí trễ hạn, phí vượt hạn mức chưa trả 2.936.051 đồng theo mức lãi suất 20%/năm kể từ ngày 06/5/2022 cho đến khi trả xong các khoản nợ.

2. Về án phí:

Ông Lâm Văn Đ pH chịu 3.115.700 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Ngân hàng Thương mại cổ phần SGpH chịu án phí dân sự sơ thẩm là 434.000 đồng, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 935.000 đồng theo Biên lai thu số 0000736 ngày 06/12/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố L. Ngân hàng TMCP SGđược nhận lại 501.000 đồng.

3. Về quyền kháng cáo: Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phan Hoàng Mai Nguyễn Thị Tuyết Hồng **Lê Thị Hồng Thi**

Nơi nhận:
- TAND tỉnh An Giang;
- VKSND TPLX;
- Chi cục THADS TPLX;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

- Các đương sự (để thi hành);
- Lưu: HS, VP.

Lê Thị Hồng Thi